

Số: /KH-TTYT

TP.Cao Lãnh, ngày tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh năm 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH VÀ NHU CẦU CHĂM SÓC Y TẾ NĂM 2025

Theo dự báo trong năm 2025, bệnh SXHD, bệnh TCM, Sởi sẽ tiếp tục là bệnh lưu hành có số mắc cao trên địa bàn Thành phố, bên cạnh đó là các dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ cao xảy ra như bệnh do virus cúm A (H5N1), ... và các bệnh mới nổi khác như cúm mùa luôn có khả năng bùng phát thành dịch.

Căn cứ vào Kế hoạch số 214/KH-SYT ngày 31/12/2024 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp, Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật trên địa bàn Tỉnh năm 2025.

Để chủ động trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân trong Thành phố, Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi trong tình huống chưa có ca bệnh và hoạt động kiểm soát bệnh tật trên địa bàn thành phố Cao Lãnh năm 2025, với các nội dung sau:

II. MỤC TIÊU CHUNG

1. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời không chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lưu hành ở địa phương. Đảm bảo ứng phó kịp thời khi có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi theo từng tình huống của dịch, trong đó có dịch bệnh cúm mùa.

2. Không chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm, tiến tới làm giảm tỉ lệ người mắc bệnh tại cộng đồng, hạn chế tàn tật và tử vong sớm do mắc các bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản, bệnh tâm thần...) nhằm góp phần bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe của nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

3. Không chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. Giảm tử vong và tình trạng suy dinh dưỡng ở bà mẹ, trẻ em.

4. Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

5. Thực hiện quản lý bảo vệ môi trường các cơ sở y tế, môi trường điều kiện vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động, bệnh nghề nghiệp, chất lượng nước ăn uống và nước sinh hoạt, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình.

6. Thực hiện tốt hoạt động xét nghiệm trong công tác phòng, chống dịch tránh tình trạng quá tải trong công tác xét nghiệm khi có dịch bệnh xảy ra.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

1.1. Hoạt động về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm: sốt rét, sốt xuất huyết, tay-chân-miệng, COVID-19, bệnh truyền nhiễm lây truyền từ động vật sang người và các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi khác

a. Sốt xuất huyết-Zika

- Giảm 5% số ca mắc/ 100.000 dân so với năm 2024.
- Không chế tỷ lệ chết/mắc do sốt xuất huyết < 0,09%
- 100% ca mắc bệnh Zika được phát hiện sớm và xử lý kịp thời.
- 100% xã có nguy cơ bùng phát dịch triển khai chiến dịch diệt lăng quăng có hiệu quả ít nhất 3 lần/năm.
- > 90% ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý theo quy định về chuyên môn và thời gian.

b. Tay chân miệng

- Giảm $\geq 15\%$ tỷ lệ mắc/100.000 dân do bệnh TCM so với trung bình giai đoạn 2016 – 2020 (≤ 255 ca/100.000 dân tương đương < 481 ca mắc TCM).
- Giảm tỷ lệ chết/mắc < 0,05%.
- 90% ca nặng phân độ 2B trở lên và ổ dịch bệnh TCM được xử lý đúng quy định.
- 90% ca nặng phân độ 2B trở lên được thực hiện lấy mẫu xét nghiệm.

c. Các bệnh truyền nhiễm khác

- Phòng, chống các bệnh Tả, Cúm A/H5N1, Cúm A/H7N9, Cúm A/H5N8 và các bệnh mới nổi (COVID-19, MERS-CoV, Ebola): 100% ổ dịch được phát hiện và xử lý kịp thời. 100% người tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân, nguồn lây nhiễm được theo dõi kịp thời và quản lý sức khỏe đầy đủ.

- Phòng chống bệnh Đại và liên cầu lợn trên người: Duy trì số ca tử vong do bệnh đại hàng năm ≤ 1 ca. Phát hiện sớm, điều tra, xử lý kịp thời các trường hợp bệnh đại và bệnh liên cầu lợn, không để lây lan diện rộng. 100% người tiếp

xúc trực tiếp với bệnh nhân đại hoặc phơi nhiễm với động vật nghi đại đến cơ sở tiêm chủng tuyến Thành phố và tỉnh được xử trí vết thương, tiêm vắc xin phòng đại và theo dõi sức khỏe.

- Giảm tỷ lệ mắc các bệnh/100.000 dân:
 - + Sởi: $< 5/100.000$ dân (khoảng < 09 ca); phát hiện SPB nghi Sởi ≥ 02 ca/100.000 dân (khoảng ≥ 04 ca).
 - + Phát hiện và điều tra ca Liệt mềm cấp, Bại liệt ≥ 1 ca/100.000 trẻ dưới 15 tuổi.
 - + Bạch hầu: $\leq 0,1/100.000$ dân.
 - + Ho gà: $\leq 1/100.000$ dân.

1.2. Hoạt động phòng, chống ký sinh trùng, côn trùng và bệnh lây truyền từ động vật sang người

- Không chế tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân $\leq 0,5$
- Hạn chế thấp nhất tỷ lệ tử vong do sốt rét trên 100.000 dân: $\leq 0,002$.
- 100% đạt chỉ tiêu loại trừ sốt rét.
- Soi 600 lam tìm ký sinh trùng sốt rét.
- 100% ca bệnh sốt rét được điều tra dịch tễ, 100% trường hợp thực hiện báo cáo trong 48 giờ khi phát hiện có ký sinh trùng dương tính.
- 01 điểm kính hiển vi xét nghiệm đang hoạt động.

1.3. Hoạt động về phòng, chống HIV/AIDS

- Số người nhiễm HIV được phát hiện mới dưới 26 trường hợp.
- Số người nhiễm HIV tử vong liên quan đến HIV/AIDS dưới 03 trường hợp.
- Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống dưới 0%;
- Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV đạt 90%.
- Tỷ lệ người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế đạt trên 100% (theo Quyết định 1008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ điều trị 100 người).
- Người MSM và đối tượng nguy cơ cao được điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc (PrEP) từ 90 trường hợp trở lên.
- Đảm bảo 100% người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế.
- 100% tại cơ sở y tế từ tuyến Thành phố đến tuyến xã, phường có hệ thống thu thập thông tin số liệu người nhiễm HIV trên phần mềm HIV INFO 4.0 và Thông tư 05/2024 đạt chất lượng để theo dõi tình hình dịch và đánh giá hiệu quả các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

1.4. Hoạt động về phòng, chống bệnh phong

- Phấn đấu 100% người bệnh phong khuyết tật được chăm sóc khuyết tật

và phục hồi chức năng.

- Loại trừ bệnh phong quy mô cấp huyện theo tiêu chuẩn Việt Nam, cụ thể:

+ Tiêu chí 1: Trong 03 năm liên tục tính đến thời điểm kiểm tra có tỷ lệ lưu hành bệnh phong dưới 0,2/10.000 dân.

+ Tiêu chí 2: 100% người bệnh phong khuyết tật được chăm sóc khuyết tật và phục hồi chức năng.

+ Tiêu chí 3: 100% người bệnh phong được hòa nhập cộng đồng và không có sự phân biệt đối xử, kỳ thị người bệnh phong.

+ Tiêu chí 4: 100% người bệnh phong nghèo có khuyết tật đặc biệt nặng hoặc khuyết tật nặng có nhà ở.

1.5. Hoạt động về phòng, chống bệnh lao

- Phần đầu đạt 100% người có triệu chứng nghi lao đều được xét nghiệm đàm và chụp XQ chẩn đoán lao.

- Phát hiện lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học đạt 102/100.000 dân và lao các thể đạt 138/100.000 dân.

- Thu dung 100% Lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học, được phát hiện trong thời gian 05 ngày sau khi phát hiện.

- 100% xã, phường quản lý đối tượng trẻ em < 15 tuổi có tiếp xúc nguồn lây được tầm soát lao và trẻ từ 0 đến 4 tuổi được tư vấn uống dự phòng INH.

- 100% cập nhật đầy đủ và thường xuyên, quản lý từng ca bệnh trên phần mềm Vitimes, báo cáo phần mềm đầy đủ, kịp thời, chính xác và xuất dữ liệu báo cáo theo qui định.

- Điều trị khỏi lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học > 85% theo quy định của CTCLQG.

- Hạn chế thấp nhất bệnh nhân không theo dõi được hoặc bỏ trị.

- Phần đầu đạt 100% tiêu bản đàm theo chỉ tiêu.

- Tầm soát HIV cho bệnh nhân lao đạt 90% tổng số thu dung lao các thể.

2. Hoạt động tiêm chủng mở rộng và các công tác tiêm chủng khác

2.1. Tiêm chủng mở rộng

- Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 vắc xin TCMR $\geq 90\%$

- Tỷ lệ tiêm vắc xin VGB sơ sinh trong vòng 24 giờ sau sinh đạt $\geq 90\%$.

- Tiêm đủ mũi vắc-xin uốn ván cho phụ nữ có thai đạt $\geq 90\%$.

- Tiêm vắc-xin Sởi-Rubella trên phạm vi toàn tỉnh $\geq 95\%$

- Tiếp tục triển khai tiêm vắc-xin viêm não Nhật Bản B đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

- Tiếp tục triển khai tiêm hàng tháng vắc xin IPV mũi 2 đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

- Đưa vắc xin ngừa Rotavirus vào chương trình tiêm chủng mở rộng và đạt tỷ lệ $\geq 90\%$ trẻ dưới 1 tuổi được uống ngừa.
- Tiếp tục duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh.
- Triển khai tiêm vắc xin Td cho trẻ 07 tuổi đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

2.2. Triển khai sử dụng vắc xin Cúm mùa cho nhân viên y tế

Ít nhất 90% nhân viên y tế tại đơn vị được tiêm vắc xin cúm mùa năm 2025 (khi có triển khai).

2.3. Tiêm vắc-xin phòng Đại cho người phơi nhiễm và có nguy cơ phơi nhiễm bệnh Đại

- Trên địa bàn có ít nhất 01 điểm tiêm vắc xin Đại và huyết thanh kháng Đại cho người. 100% số người tiêm vắc xin phòng bệnh Đại do động vật cắn được báo cáo qua hệ thống báo cáo quốc gia.

- 100% số người bị phơi nhiễm với bệnh Đại được điều trị dự phòng sau phơi nhiễm.

3. Công tác phòng, chống các bệnh không lây nhiễm phổ biến và truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn

3.1. Hoạt động phòng, chống tăng huyết áp (THA), đái tháo đường (ĐTĐ), các rối loạn do thiếu i-ốt và truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn

a) Công tác chuyên môn

- 90% Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, phát hiện sớm BKLN.

- 80% người từ 40 tuổi trở lên được truyền thông, cung cấp thông tin, hướng dẫn để biết theo dõi sức khỏe, phát hiện sớm BKLN.

- Quản lý dự phòng nguy cơ cao, tiền bệnh: 70% người được phát hiện bị thừa cân, béo phì được thực hiện các biện pháp tư vấn kiểm soát thừa cân, béo phì phù hợp; 70% người được phát hiện nguy cơ tim mạch được thực hiện các biện pháp quản lý điều trị dự phòng theo hướng dẫn chuyên môn.

- Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị tăng huyết áp: đạt 50% người trưởng thành được đo huyết áp 1 lần/năm để phát hiện sớm tăng huyết áp, trong đó 80% người từ 40 tuổi trở lên; đạt 50% người mắc tăng huyết áp được phát hiện, trong đó 50% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- Sàng lọc phát hiện, quản lý điều trị đái tháo đường, tiền đái tháo đường: 70% người từ 40 tuổi trở lên được sàng lọc bằng phiếu đánh giá nguy cơ và/hoặc xét nghiệm đường máu 1 lần/năm để phát hiện sớm đái tháo đường; \geq

55% người mắc đái tháo đường được phát hiện, trong đó 55% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông tại các xã, phường, thị trấn của các huyện, thành phố trong tỉnh để vận động người dân thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn hằng ngày. Thực hiện giám sát thường quy hộ gia đình dùng muối I-ốt: $\geq 80\%$ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt; I-ốt niệu trung vị $\geq 7\mu\text{g}/\text{dl}$.

b) Hoạt động truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn

Mục tiêu 1: Nâng cao hiểu biết, thay đổi hành vi của người dân để giảm lượng muối trong khẩu phần ăn hằng ngày.

100% xã, phường thực hiện truyền thông giảm lượng muối trong khẩu phần ăn hằng ngày nhằm nâng cao hiểu biết, thay đổi hành vi của người dân.

Đảm bảo thực hiện truyền thông giảm lượng muối trong khẩu phần ăn hằng ngày nhằm nâng cao hiểu biết, thay đổi hành vi của người dân.

Mục tiêu 2: Nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể trong việc xây dựng và thực thi cơ chế chính sách, tạo nguồn lực bền vững cho các can thiệp giảm muối trong khẩu phần ăn người dân.

Đảm bảo Thành phố thực hiện triển khai các hoạt động truyền thông can thiệp giảm lượng muối trong khẩu phần ăn cho các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể.

Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động giám sát, tư vấn, hướng dẫn chế độ ăn giảm muối trong cơ sở y tế và tại cộng đồng.

80% cán bộ y tế tuyến Thành phố, tuyến xã, phường và nhân viên y tế khám, áp có đủ năng lực và thực hiện truyền thông, tư vấn giảm ăn muối cho người dân.

50% cán bộ y tế trường học và cán bộ phụ trách bếp ăn trong trường học nội trú và trường có tổ chức bữa ăn bán trú thực hiện chế độ ăn giảm muối cho học sinh.

3.2. Hoạt động phòng, chống phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

- Duy trì hoạt động phòng quản lý

- 60% người từ 40 tuổi trở lên được khám sàng lọc định kỳ/1 lần năm;

- 50% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng;

- 50% số người đã phát hiện bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được quản lý điều trị theo đúng hướng dẫn chuyên môn;

- 50% số người mắc bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng;

- 50% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen, trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn.

3.3. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng

a. Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho các bệnh nhân Tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm, CPTTT đã được phát hiện tại các Trạm Y tế.

- Quản lý điều trị $\geq 80\%$ người bệnh Tâm thần phân liệt đã phát hiện.

- Quản lý điều trị $\geq 70\%$ người bệnh Động kinh đã phát hiện.

- Quản lý điều trị $\geq 50\%$ người bệnh Trầm cảm đã phát hiện. b. Phát hiện sớm bệnh Tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm lập hồ sơ điều trị, quản lý, điều trị và phục hồi chức năng từ đó giảm tối đa số bệnh nhân bị sa sút tâm thần và sớm tạo điều kiện cho người bệnh tái hòa nhập cộng đồng. Khám sàng lọc người thuộc đối tượng mắc các rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Phát hiện $\geq 70\%$ người mắc bệnh Tâm thần phân liệt;

- Phát hiện $\geq 70\%$ người mắc bệnh Động kinh; - Phát hiện $\geq 50\%$ người mắc bệnh Trầm cảm;

- Phát hiện $\geq 30\%$ người bị Sa sút trí tuệ và một số Rối loạn tâm thần khác;

c. Triển khai các mô hình điểm quản lý bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh, Trầm cảm. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong cộng đồng về bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh, Trầm cảm có thái độ đúng đắn đối với người bệnh.

- Quản lý, điều trị $\geq 80\%$ bệnh nhân Tâm thần phân liệt đã phát hiện, $\geq 70\%$ bệnh nhân Động kinh đã phát hiện; và $\geq 50\%$ người bệnh Trầm cảm được phát hiện, và bệnh chậm phát triển tâm thần.

- Tăng số bệnh nhân Tâm thần phân liệt và động kinh được điều trị bằng thuốc.

- Giảm và loại trừ dần các hình thức mê tín dị đoan, giam giữ người bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh và Trầm cảm, chậm phát triển tâm thần.

- Tăng số bệnh nhân Tâm thần phân liệt và Động kinh, Trầm cảm được chữa khỏi, được phục hồi chức năng.

- Giảm 70% số bệnh nhân Tâm thần phân liệt, Động kinh và Trầm cảm tái bệnh phải nhập viện điều trị nội trú. Đưa bệnh nhân Tâm thần phân liệt, Động kinh và Trầm cảm trở về với cuộc sống bình thường. 19

- 100% bệnh nhân Tâm thần phân liệt, Động kinh và Trầm cảm, CPTTT được cấp thuốc miễn phí tại các trạm y tế.

3.4. Hoạt động về phòng, chống ung thư

Chẩn đoán sớm, điều trị sớm các bệnh lý ung thư thường gặp như: ung thư khoang miệng, ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư đại trực tràng... làm tăng chất lượng sống và thời gian sống của bệnh nhân ung thư.

Hạn chế tỉ lệ tử vong do mắc các bệnh ung thư nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố.

4. Hoạt động Dinh dưỡng

4.1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

Tình trạng dinh dưỡng trẻ em được cải thiện: Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân: < 9,84%; Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD thể thấp còi: ≤ 11,62%; Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD thể gầy còm: < 2.97 %; Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD thể thừa cân béo phì < 7%.

4.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: “Cải thiện dinh dưỡng”

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn.

a. Mục tiêu 1: Giảm xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi trong toàn thành phố.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống ≤ 11,62%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống < 2.97%.

b. Mục tiêu 2: cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn Thành phố.

Trên 80% trẻ em từ 6 - 59 tháng tuổi suy dinh dưỡng thấp còi và trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng (ưu tiên trẻ suy dinh dưỡng thấp còi) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất/sắt và tư vấn dinh dưỡng

5. Sức khỏe môi trường-Y tế trường học-Bệnh nghề nghiệp

5.1. Sức khỏe môi trường-Y tế trường học

- Tất cả trạm y tế xã, phường được giám sát chất lượng nước sử dụng cho sinh hoạt, công tác quản lý và xử lý chất thải y tế, và xây dựng cơ sở y tế xanh – sạch – đẹp định kỳ 01 lần/năm.

- Tăng 0,03% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh so với năm 2024.

- Hưởng ứng các ngày lễ lớn về bảo vệ môi trường: Tuần lễ quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường; ngày Môi trường Thế giới, Ngày vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Làm cho Thế giới sạch hơn, rửa tay với xà phòng.

- Trên 70% trường học trên địa bàn thành phố Cao Lãnh được kiểm tra công tác y tế trường học, quan trắc các yếu tố vệ sinh trường học theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.

- Tất cả cán bộ chuyên trách NHD, vệ sinh môi trường, y tế trường học tuyến Thành phố và xã, phường được đào tạo nâng cao năng lực.

- Trên 60% các trường có nước tiệt trùng được giám sát chất lượng nước tiệt trùng trong trường học.

5.2. Phòng, chống bệnh nghề nghiệp

- Phối hợp tổ chức quan trắc môi trường lao động cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp đạt cao hơn so với năm 2024.

- Thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động đạt cao hơn so với năm 2024.

- Giám sát công tác vệ sinh lao động cho các cơ sở lao động có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động nặng và chết người.

- 100% người làm công tác chuyên môn về công tác vệ sinh lao động ở tuyến Thành phố, xã, phường được tập huấn và hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

- Phối hợp với các tổ chức Tháng an toàn, vệ sinh lao động và hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Tháng ATVSLĐ năm 2025.

5.3. Về phòng chống tai nạn thương tích (PCTNTT)

- Trung tâm Y tế thành phố và các Trạm Y tế xã, phường có xây dựng kế hoạch và được bố trí kinh phí cho để triển khai công tác PCTNTT.

- 100% cán bộ y tế làm công tác phòng, chống tai nạn, thương tích từ tuyến cơ sở đến tuyến Thành phố đều được tham dự tập huấn đào tạo và đào tạo về các biện pháp phòng, chống kỹ năng truyền thông về PCTNTT tại cộng đồng.

- 100% xã, phường được kiểm tra, giám sát công tác PCTNTT tại cộng đồng.

- Duy trì 03 xã đạt tiêu chuẩn cộng đồng an toàn-PCTNTT.

- 100% cán bộ y tế tuyến xã, phường, nhân viên y tế khám/áp, người làm công tác y tế trường học được tập huấn về sơ cấp cứu TNTT.

- 100% xã, phường ghi nhận, giám sát và báo cáo số liệu mắc và tử vong do TNTT đầy đủ, chính xác và đúng hạn.

- 100% kế hoạch PCTNTT của các xã, phường được xây dựng trên cơ sở phân tích dữ liệu giám sát TNTT trên địa bàn.

- 100% Trạm Y tế xã, phường tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về các yếu tố nguy cơ TNTT cho người dân tại cộng đồng và trường học.

6. Chăm sóc sức khỏe sinh sản

6.1. Nâng cao sức khỏe bà mẹ, giảm tai biến sản khoa và tử vong mẹ

- Duy trì tỷ suất Tai biến sản khoa $\leq 3,6\%$.

- Không chế tỷ số tử vong mẹ còn < 25/100.000 trẻ đẻ sống.
- 100% cơ sở cung cấp dịch vụ CSSKSS thực hiện thông tin –giáo dục tư vấn về Sức khỏe sinh sản.
- 100% phụ nữ đến nhận dịch vụ CSSKSS được tư vấn về Sức khỏe sinh sản.
- > 90% phụ nữ đẻ được khám thai đủ 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén.
- > 99,7% phụ nữ đẻ được cán bộ y tế qua đào tạo đỡ đẻ.
- \geq 95,5% bà mẹ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày sau đẻ (6 tuần), trong đó > 85% bà mẹ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu.
- 100% các lớp đào tạo về chăm sóc SKSS được thực hiện theo kế hoạch.

6.2. Phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ sơ sinh được tiếp cận với các dịch vụ, can thiệp loại trừ lây truyền HIV, giang mai và viêm gan B từ mẹ sang con một cách liên tục và có chất lượng

- 85% Phụ nữ đẻ được xét nghiệm tầm soát HIV trước và trong lần mang thai này.
- 70% Phụ nữ đẻ được xét nghiệm tầm soát Viêm gan B trong khi mang thai.
- 70% Phụ nữ đẻ được xét nghiệm tầm soát Giang mai trong khi mang thai.

6.3. Giảm tình trạng nhiễm khuẩn đường sinh sản, tầm soát phát hiện sớm Ung thư sinh dục (cổ tử cung và ung thư vú) cho phụ nữ tuổi sinh đẻ

- Giảm tỷ lệ phụ nữ khám phụ khoa mắc bệnh phụ khoa giảm 0,2% so với năm 2024.
- 100% cơ sở y tế tuyến huyện và các cơ sở y tế tuyến xã, phường thực hiện được lấy mẫu bệnh phẩm tầm soát Ung thư cổ tử cung (xét nghiệm PAP-Smear và test VIA).
- >50% số Phụ nữ tuổi sinh đẻ khám phụ khoa được thực hiện tầm soát Ung thư cổ tử cung bằng xét nghiệm PAP-Smear và test VIA.
- >50% số Phụ nữ tuổi sinh đẻ khi khám phụ khoa được khám vú định kỳ và tư vấn hướng dẫn tự khám vú.

6.4. Phá thai an toàn; Kế hoạch hóa gia đình

- Duy trì tỷ số phá thai chung \leq 15/100 trẻ đẻ sống.
- Duy trì tỷ số phá thai tại cơ sở y tế công lập giảm \leq 10/100 trẻ đẻ sống.
- 100% Phụ nữ phá thai được tư vấn đầy đủ thông tin về các biện pháp tránh thai và tác hại của phá thai ngoài ý muốn.
- 100% cơ sở y tế công lập có dịch vụ CSSKSS thực hiện cung cấp dịch vụ KHHGD tại cơ sở.
- 100% cặp vợ chồng có nhu cầu phá thai được tư vấn áp dụng các biện pháp tránh thai an toàn.

- Đạt 100% tổng các biện pháp tránh thai theo chỉ tiêu trên giao (khi có chỉ tiêu).

6.5. Chăm sóc sức khỏe trẻ em

- Không chế tỷ lệ trẻ đẻ sống có cân nặng <2500 gram còn $\leq 4\%$.
- Tỷ suất Tử vong trẻ sơ sinh (<28 ngày) < 0.9‰.
- Tỷ suất Tử vong trẻ em dưới 1 tuổi $\leq 1,5\%$.
- Tỷ suất Tử vong trẻ em dưới 5 tuổi $\leq 3\%$.
- 80% bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc thiết yếu (EENC) trong và ngay sau đẻ thường/mổ lấy thai.

6.6. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên – Thanh niên

- 100% Vị thành niên, thanh niên phá thai tại cơ sở y tế được tư vấn về các biện pháp tránh thai và tác hại của việc phá thai không an toàn.
- 100% cơ sở y tế công lập cung cấp dịch vụ CSSKSS có thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD cho VTN, TN.
- 100% cơ sở chăm sóc SKSS các tuyến có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN, TN.
- Tỷ lệ mang thai ở VTN/tổng số phụ nữ mang thai giảm 0,2% so với năm 2024.
- Tỷ lệ sinh ở VTN/tổng số phụ nữ đẻ giảm 0,2% so với năm 2024.
- Tỷ lệ phá thai ở VTN/tổng số phụ nữ phá thai chung giảm 0,1% so với năm 2024.

7. Truyền thông giáo dục sức khỏe

- 100% đơn vị y tế từ Thành phố đến xã, phường có kế hoạch thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.
- 70% các Chương trình y tế, các bệnh, dịch truyền nhiễm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến được triển khai thực hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng như: phát thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội...
- 100% đơn vị y tế từ Thành phố đến xã, phường có tư vấn sức khỏe lồng ghép về các nội dung phòng chống dịch bệnh (ưu tiên phòng chống đại dịch COVID-19, sốt xuất huyết, HIV/AIDS, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và các bệnh không lây nhiễm phổ biến).
- 100% đơn vị y tế từ Thành phố đến xã, phường triển khai thực hiện với các hình thức truyền thông gián tiếp và trực tiếp.
- 100% các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe: infographic, các tài liệu truyền thông truyền thống, thông điệp phát thanh, truyền hình, chương trình phát thanh, truyền hình, phóng sự, bản tin, chuyên trang, chuyên mục... được phân phối và cung cấp đến các nhóm đối tượng đích.
- Trung tâm Y tế thành phố thực hiện 01 mô hình điểm về truyền thông

giáo dục sức khỏe phòng chống dịch bệnh.

8. Các hoạt động hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật

8.1. Công tác Dược - Vật tư y tế

- Đảm bảo 100% thực hiện đầy đủ và đúng quy định công tác lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị, vật tư, phương tiện phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Trung tâm theo quy định hiện hành.

- Đảm bảo 95% thực hiện đầy đủ và đúng quy định công tác lập kế hoạch và tổ chức quy trình đấu thầu mua sắm thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo 100% chế độ thống kê, báo cáo được thực hiện theo quy định.

8.2. Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng

- Hoàn thành 100% các xét nghiệm theo yêu cầu; Đảm bảo 100% việc nhận mẫu, xét nghiệm và gửi mẫu chẩn đoán bệnh truyền nhiễm đúng quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cử cán bộ tham gia tác tập huấn, giám sát chuyên môn.

- 100% cán bộ được đào tạo và đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017.

- 100% các trang thiết bị được bảo trì/hiệu chuẩn đúng quy định.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức, chỉ đạo điều hành

- Tăng cường công tác chỉ đạo phòng chống dịch và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách.

- Kịp thời triển khai những nội dung văn bản chỉ đạo của tuyến Tỉnh, Sở Y tế. Thường xuyên tổ chức các đợt giám sát hỗ trợ để phát hiện chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình thực hiện.

- Đảm bảo nguồn kinh phí triển khai các hoạt động phòng, chống dịch và kiểm soát bệnh tật; đảm bảo đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất đáp ứng kịp thời trước mọi tình huống y tế khẩn cấp xảy ra.

- Tăng cường hiệu quả phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong việc triển khai các biện pháp phòng chống bệnh tật đặc biệt là trong kiểm tra, giám sát các hoạt động tại địa phương.

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh và xử lý triệt để các ổ dịch trên địa bàn, giảm số mắc và tử vong các bệnh truyền nhiễm. Kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh qua kiểm dịch y tế không để dịch bệnh xâm nhập vào trong tỉnh qua đường biên giới.

- Quan tâm nâng cao chất lượng quản lý các hoạt động của ngành y tế tại địa phương, như: khám sàng lọc phát hiện sớm và quản lý, điều trị dự phòng ngoại trú các bệnh không lây nhiễm; dinh dưỡng cộng đồng; y tế trường học, bệnh nghề nghiệp, phòng, chống HIV/AIDS, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng.

- Củng cố và mở rộng phạm vi triển khai các hoạt động về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm phổ biến, phòng chống tai nạn thương tích, sức khỏe môi trường, kiểm tra chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt.

- Duy trì các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về các biện pháp phòng, chống bệnh tật và kiểm soát bệnh tật để nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng.

- Tăng cường chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể trong việc triển khai các biện pháp phòng chống bệnh tật đặc biệt là trong kiểm tra, giám sát các hoạt động tại địa phương.

2. Hoạt động chuyên môn, kỹ thuật

2.1. Công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm

2.1.1. Hoạt động về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm: sốt rét, sốt xuất huyết, tay-chân-miệng, COVID-19, bệnh truyền nhiễm lây truyền từ động vật sang người và các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi khác

- Phát hiện sớm các sự kiện có nguy cơ gây ra dịch bệnh truyền nhiễm hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng nhằm đáp ứng kịp thời, phù hợp, giảm thiểu tác hại đối với cộng đồng.

- Giám sát chặt chẽ tình hình mắc dịch bệnh đến tận xóm/ấp, xã/phường, hộ gia đình, các yếu tố nguy cơ, báo cáo kịp thời theo quy định. Triển khai hoạt động xử lý triệt để ổ dịch theo quy định của Bộ Y tế.

- Kiện toàn các đội cơ động chống dịch, sẵn sàng hỗ trợ các địa phương khi cần thiết.

2.1.2. Hoạt động phòng, chống ký sinh trùng, côn trùng và bệnh lây truyền từ động vật sang người

Duy trì thực hiện các hoạt động tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động về phòng, chống ký sinh trùng, côn trùng truyền bệnh và các bệnh lây truyền từ động vật sang người.

Phối hợp cung cấp thông tin, truyền thông và giám sát tác nhân gây bệnh, các yếu tố nguy cơ.

Đảm bảo công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về lĩnh vực ký sinh trùng, côn trùng và bệnh lây truyền từ động vật sang người.

Quản lý các đối tượng nguy cơ di biến động đến các vùng sốt rét lưu hành trở về địa phương, lưu ý các đối tượng đi và về từ vùng sốt rét lưu hành như Bình Phước, Lâm Đồng, khu vực Tây Nguyên, ...

Đảm bảo cung ứng thuốc điều trị sốt rét, hóa chất, vật tư phòng chống sốt rét.

2.1.3. Hoạt động về phòng, chống HIV/AIDS

- Mở rộng các chương trình can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV: Tăng cường điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP), phân phát bơm kim tiêm và bao cao su, ưu tiên các khu vực trọng điểm và truyền thông thay đổi hành vi cho đối tượng nguy cơ (trọng tâm ưu tiên nhóm MSM).

- Mở rộng xét nghiệm sàng lọc tầm soát HIV, xét nghiệm tại cộng đồng, tự xét nghiệm HIV, xét nghiệm HIV online, ... cho đối tượng nguy cơ nhất là chú trọng đối tượng MSM và giám sát dịch HIV.

- Cung cố mở rộng nâng cao chất lượng chương trình điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP) cho đối tượng nguy cơ (chủ yếu là MSM).

- Cung cố và tăng cường năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS các tuyến; đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.

2.1.4. Hoạt động về phòng, chống bệnh phong

Đảm bảo cử cán bộ tham gia công tác đào tạo, tập huấn do tuyến trên thực hiện về những kiến thức cơ bản chẩn đoán bệnh phong để lồng ghép công tác phát hiện bệnh phong trong mạng lưới y tế.

Tăng cường hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trên các phương tiện thông tin đại chúng, hướng đến mục tiêu bệnh nhân phong tự tìm đến thầy thuốc sau khi được phổ biến kiến thức về bệnh phong.

Duy trì việc khám, phát hiện bệnh cho 100% đối tượng tiếp xúc và 98% đối tượng có nguy cơ cao (03 nhóm/năm/lần). Khám da theo 5 bước cải tiến cho các ổ dịch tế xác định bệnh phong còn lưu hành. Lồng ghép khám da phát hiện bệnh phong trong các hoạt động khám điều trị bệnh ở cộng đồng (khám nghĩa vụ quân sự, khám học sinh, khám điều trị bệnh da và cấp thuốc miễn phí). Tăng cường kỹ năng phát hiện bệnh phong mới ở các phòng khám đa khoa, chuyên khoa khác thông qua đào tạo tập huấn.

Quản lý điều trị theo phác đồ Tổ chức Y tế thế giới-Đa hóa trị liệu (ĐHTL) cho 100% bệnh nhân mới phát hiện. Duy trì giám sát theo dõi 05 năm cho đối tượng thể nhiều khuẩn (MB), 03 năm cho đối tượng thể ít khuẩn (PB) sau khi hoàn thành phác đồ điều trị (về lâm sàng và cận lâm sàng). Quản lý điều trị tốt các con phản ứng phong.

Phòng ngừa tàn tật, chăm sóc tàn tật và phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong. Tổ chức kiểm tra công nhận loại trừ bệnh phong trên địa bàn.

2.1.5. Hoạt động phòng, chống bệnh lao

Duy trì việc thực hiện những giải pháp về chính sách, pháp luật về công tác phòng, chống bệnh lao.

Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, công chức, viên chức và người dân hiểu rõ Chính sách pháp luật về phòng, chống lao, tình hình bệnh lao, chủ trương chiến lược của Chương trình chống lao quốc gia từ năm 2021 - 2025, hướng đến chấm dứt bệnh lao năm 2030.

Giải pháp chuyên môn kỹ thuật và dịch vụ phòng, chống bệnh lao:

- Tăng cường phát hiện lao sớm và điều trị có hiệu quả bệnh lao tại địa phương.

- Đẩy mạnh việc áp dụng các kỹ thuật mới vào khám phát hiện, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao.

- Kiện toàn mạng lưới quản lý bệnh nhân lao tại cộng đồng của các tuyến. Trong đó, quan tâm bố trí nhân viên y tế phụ trách công tác quản lý, cấp phát thuốc, theo dõi bệnh nhân Lao tại Trạm Y tế tuyến xã, phường. Thực hiện chế độ đãi ngộ cho nhân viên y tế phụ trách công tác quản lý bệnh lao tại địa phương theo quy định hiện hành.

- Tăng cường và duy trì tiếp cận phổ cập với các dịch vụ phòng, chống lao chất lượng.

- Đảm bảo về cung ứng thuốc và hậu cần về kỹ thuật phòng, chống bệnh lao; nguồn tài chính và nhân lực cho công tác phòng, chống bệnh lao.

2.2. Hoạt động tiêm chủng mở rộng và các công tác tiêm chủng khác.

Đảm bảo thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng và tổ chức các chiến dịch tiêm chủng kịp thời, đúng đối tượng và an toàn. Triển khai có hiệu quả vắc xin phòng Rotavirus cho trẻ em dưới 1 tuổi thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng, bám sát lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ; vắc-xin cúm mùa cho nhân viên y tế; vắc-xin và huyết thanh phòng bệnh dại cho người phơi nhiễm và người làm việc trong môi trường nguy cơ cao. Đảm bảo dự trữ và cung ứng đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng nhu cầu người dân. Củng cố, nâng cấp dây chuyền lạnh tại các cơ sở tiêm chủng.

Đảm bảo các hoạt động đào tạo, đào tạo lại về các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng mở rộng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ y tế ở các tuyến.

2.3. Công tác phòng, chống các bệnh không lây nhiễm phổ biến và truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn

2.3.1. Hoạt động phòng, chống tăng huyết áp (THA), đái tháo đường (ĐTĐ), các rối loạn do thiếu i-ốt và truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn

Nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, ban ngành đoàn thể địa phương và nhận thức của người dân về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (BKLN).

Chú trọng và đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe để giảm thiểu các hành vi nguy cơ, dự phòng mắc bệnh không lây nhiễm.

Tăng cường cung cấp các dịch vụ dự phòng, phát hiện sớm, quản lý, điều trị, chăm sóc người bệnh BKLN. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống cung cấp dịch vụ phòng, chống BKLN

Tăng cường phát hiện tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh các BKLN tại TYT và cộng đồng.

Thống kê tất cả các BKLN trên địa bàn để quản lý và nhập vào phần mềm thống kê y tế đầy đủ, theo quy định hiện hành.

2.3.2. Hoạt động về phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản

Đảm bảo công tác đào tạo đào tạo, tập huấn chuyên môn cho bác sĩ phòng khám có tham gia khám và các khoa chuyên môn liên quan về việc điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản.

Đảm bảo công tác quản lý bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản một cách hiệu quả. Tăng cường công tác khám sàng lọc phát hiện sớm đưa vào quản lý và điều trị bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản. Duy trì tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ tại các bệnh viện và Trung tâm Y tế mỗi quý một lần về bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản.

Kiện toàn hoặc thành lập phòng quản lý mới và đảm bảo đến năm 2025 mỗi địa phương ít nhất có 01 phòng quản lý về bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe về nâng cao nhận thức của người dân về các yếu tố nguy cơ, các triệu chứng nghi ngờ về bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản. Đa dạng hoá các loại hình truyền thông.

2.3.3. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

Triển khai một số mô hình điểm quản lý bệnh tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm tại một số địa phương.

Cử viên chức tham gia tập huấn, kiểm tra giám sát, hướng dẫn hỗ trợ chuyên môn. Tăng cường khám sàng lọc người thuộc nhóm đối tượng rối loạn sức khỏe tâm thần, lập hồ sơ điều trị, quản lý, phục hồi chức năng cho người bệnh.

Truyền thông nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của người dân về bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh, Trầm cảm.

Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho bệnh nhân một cách hiệu quả. Định hướng đến năm 2025, đạt 13 xã, phường quản lý, điều trị bệnh Tâm thần phân liệt và Động kinh, Trầm cảm.

2.3.4. Hoạt động phòng, chống ung thư

- Phối hợp các đơn vị có liên quan tuyên truyền các hướng dẫn phòng, chống ung thư, các yếu tố nguy cơ cho người bệnh và cộng đồng.

2.4. Hoạt động Dinh dưỡng

2.4.1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng, đội ngũ cán bộ dinh dưỡng và y tế khóm/ấp, phân đầu mỗi ấp có ít nhất 2 y tế khóm/ấp làm công tác dinh dưỡng. Hướng dẫn kiến thức và kỹ năng hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em (PCSDĐTE) cho cán bộ chuyên trách dinh dưỡng, cán bộ phụ trách chương trình Phòng chống thiếu vitamin A thông qua kênh trực tuyến, lồng ghép trong hoạt động Cải thiện dinh dưỡng trong chương trình Giảm nghèo bền vững.

Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe và giáo dục về dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ tiền thai: tư vấn chăm sóc dinh dưỡng cho thai phụ, hướng dẫn cho thai phụ sử dụng viên sắt acid Folic dự phòng thiếu máu thiếu sắt. Tiếp tục duy trì mô hình tiếp thị xã hội viên Rolivit dự phòng thiếu máu cho phụ nữ mang thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ.

Chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi tăng trưởng của trẻ. Quản lý trẻ mới sinh, theo dõi cân nặng và chiều cao sơ sinh. Tư vấn và hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ. Duy trì và triển khai mới các điểm tư vấn dinh dưỡng và khám trẻ lành mạnh ở Trạm Y tế, Trung tâm Y tế. Thực hiện tư vấn dinh dưỡng và quản lý điều trị cho trẻ suy dinh dưỡng (SDD). Cân trẻ < 2 tuổi ít nhất 01 lần/quý. Cân, đo trẻ < 5 tuổi 01 lần/năm. Cân trẻ SDD < 5 tuổi hàng tháng. Phục hồi dinh dưỡng cho trẻ SDD nặng.

Cải thiện tình hình thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi. Truyền thông giáo dục sức khỏe về kiến thức phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng. Tổ chức cho trẻ 06-35 tháng tuổi uống vitamin A liều cao 02 lần/năm. Bổ sung đa vi chất/sắt cho trẻ từ 6-59 tháng tuổi suy dinh dưỡng thấp còi thuộc hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo.

2.4.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững “Cải thiện dinh dưỡng”

Hoạt động can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi:

- Cung cấp các dịch vụ, tăng cường tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 5 tuổi. Hướng dẫn phụ nữ có thai uống viên sắt. Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-35 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng. Cung cấp đa vi chất cho trẻ từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi suy dinh dưỡng thấp còi và trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng các thể (ưu tiên trẻ suy dinh dưỡng thấp còi). Tẩy giun định kỳ cho trẻ em từ 2 đến dưới 5 tuổi. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng.

- Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú. Tư vấn về chăm sóc

đinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học.

- Quản lý, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch. Tập huấn hướng dẫn nhân viên y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, nhân viên y tế trường học và liên ngành khác về can thiệp chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

2.5. Hoạt động về Sức khỏe môi trường (SKMT), Y tế trường học (YTTH), Bệnh nghề nghiệp (BNN) và Tai nạn thương tích (TNTT)

Nâng cao năng lực cán bộ chuyên trách về vệ sinh môi trường và YTTH. Cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn do tuyến trên tổ chức. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho tuyến xã, phường. Thường xuyên giám sát và hướng dẫn cán bộ chuyên trách về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

Thực hiện hiệu quả công tác y tế trường học. Kết hợp giữa ngành y tế và các ban ngành có liên quan kiểm tra chất lượng nước tiết trùng tại các trường học có hệ thống nước tiết trùng cung cấp nước uống cho học sinh. Kết hợp với các chương trình, dự án khác tổ chức tập huấn hướng dẫn cho giáo viên thực hiện các hoạt động trong trường học nâng cao nhận thức giữ gìn sức khỏe học đường cho học sinh. Phối hợp với ngành giáo dục giám sát việc thực hiện Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định về công tác y tế trường học, Kế hoạch liên tịch số 90/2016/KHLT-SYT-SGDĐT ngày 26/10/2016 về việc hướng dẫn, triển khai đánh giá công tác y tế trường học.

Nâng cao hiệu quả bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường cho cộng đồng. Thực hiện giám sát chất lượng nước của các cơ sở. Giám sát các cơ sở hoạt động hóa chất trong lĩnh vực bào chế dược phẩm cho người, diệt khuẩn, diệt côn trùng, gia dụng, y tế, phụ gia thực phẩm. Giám sát vệ sinh môi trường, quản lý chất thải, cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp các bệnh viện, cơ sở y tế, công trình vệ sinh công cộng ít nhất 01 lần/năm. Kết hợp tuyến trên và các ban ngành có liên quan kiểm tra chất lượng nước tiết trùng tại các trường học có hệ thống nước tiết trùng cấp nước uống cho học sinh.

Hoạt động phòng, chống bệnh nghề nghiệp. Đào tạo nhân lực và mua sắm các trang thiết bị trong việc thực hiện quan trắc môi trường lao động và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Phối hợp với các cơ sở lao động trong việc thực hiện quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Thực hiện giám sát công tác chăm sóc sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp để có hướng dẫn về các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tham gia các đoàn điều tra tai nạn lao động của Tỉnh để thực hiện điều tra tất cả các vụ tai nạn lao động nặng và chết người. Tham gia giao ban định kỳ 02 lần/năm do tuyến trên tổ chức.

Hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích. Cử viên chức tham gia tập huấn công tác phòng chống TNTT. Duy trì tốt hoạt động “Cộng đồng an toàn” ở xã, phường. Thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống TNTT ở tuyến cơ sở.

Hoạt động chỉ đạo tuyến, hỗ trợ, giám sát và kiểm tra các hoạt động chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực YTTH, VSMT, VSLĐ, phòng chống bệnh nghề nghiệp, PCTNTT. Hướng dẫn, hỗ trợ Y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động.

2.6. Hoạt động Chăm sóc Sức khỏe sinh sản

- Phối hợp đào tạo lại nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ phụ trách ở các tuyến về các lĩnh vực chăm sóc SKSS toàn diện theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc SKSS.

- Phối hợp đào tạo, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội, mạng lưới cộng tác viên về truyền thông tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Duy trì phương pháp giám sát lồng ghép vì chất lượng chăm sóc SKSS cho tuyến xã, phường.

- Phổ biến các thông tin chính sách về SKSS đến mọi đối tượng, thông qua hội thảo, tập huấn, vận động, truyền thông thông qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình, báo chí, mạng xã hội.

- Tuyên truyền vận động chăm sóc SKSS trong cộng đồng về các nội dung chăm sóc tiền thai, chăm sóc thai, sàng lọc trước và sau sinh, hướng dẫn các bà mẹ cho con bú sớm, nuôi con bằng sữa mẹ, đề phòng các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục, tầm soát ung thư (ung thư vú, ung thư cổ tử cung), chăm sóc sức khỏe sinh sản tuổi mãn kinh.

- Phối hợp với Đoàn thanh niên, phòng Giáo dục và đào tạo tư vấn về giới tính và tình dục, các vấn đề tình dục lành mạnh; giới thiệu và hướng dẫn cách tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có chất lượng; ngăn chặn có thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn và dự phòng các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

2.7. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

- Chủ động, thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời và chính xác về tình hình dịch bệnh lưu hành tại địa bàn; tình hình diễn biến các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi, tái nổi ở địa bàn và các khu vực lân cận.

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, phổ biến kiến thức về các biện pháp phòng bệnh, lợi ích tiêm chủng để vận động nhân dân chủ động đưa trẻ đi tiêm chủng, đúng lịch, đủ liều phối hợp và tham gia các hoạt động phòng, chống dịch bệnh.

- Phối hợp với Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh Thành phố, các Trạm phát thanh xã, phường và các ban, ngành đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông gián tiếp và trực tiếp nhằm phổ biến kiến thức, khuyến cáo về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, các biện pháp ngăn ngừa bệnh không lây nhiễm; biện pháp phòng lây nhiễm HIV.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông sự kiện: Tháng hành động ATVSLĐ; Ngày ASEAN phòng, chống sốt xuất huyết; lễ phát động Chiến dịch truyền thông “Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển”; các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường; “Ngày thế giới phòng chống tăng huyết áp”...

- Phân phối các sản phẩm truyền thông cung cấp cho tuyến xã, phường và các đơn vị có liên quan.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về y tế.

- Đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động truyền thông về An toàn vệ sinh thực phẩm; công tác dân số và phát triển.

2.8. Các hoạt động hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật

a) Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh-Thăm dò chức năng

a. Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động về kiểm nghiệm an toàn thực phẩm, các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật và các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học theo quy định.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật xét nghiệm theo quy định; phổ biến kỹ thuật và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc bảo quản và sử dụng các trang thiết bị, có kế hoạch bảo trì/hiệu chuẩn các trang thiết bị.

- Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật.

2.9. Hoạt động khám tư vấn và điều trị dự phòng

- Tổ chức khám sức khỏe dự tuyển và tuyển dụng; khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe theo yêu cầu.

- Khám, tư vấn điều trị dự phòng và truyền thông nâng cao sức khỏe, tiêm chủng phòng bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Khám, tư vấn xét nghiệm kiểm tra sức khỏe và tầm soát bệnh.

- Tiêm vắc xin phòng bệnh theo yêu cầu, tư vấn phòng, chống và điều trị dự phòng các bệnh lây nhiễm.

- Phối hợp với các khoa khác trong đơn vị, tổ chức khám sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh truyền nhiễm, bệnh tật học đường, bệnh liên quan đến dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân cho cá nhân và cộng đồng.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tham gia giám định bệnh Nghề nghiệp cho người lao động.

- Khám và điều trị bệnh răng - miệng cho học sinh; trẻ em và người lớn theo yêu cầu.

3. Công tác dược, vật tư trang thiết bị

- Chuẩn bị sẵn sàng cơ sở thuốc và hóa chất cần thiết cho việc xử lý dập dịch. Sử dụng nguồn lực và trang thiết bị sẵn có.

- Đảm bảo về việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hoá chất, trang thiết bị, vật tư, phương tiện phục vụ cho hoạt động chuyên môn.

4. Công tác phối hợp

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp phòng chống dịch, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân theo ngành dọc của từng ban, ngành, cụ thể:

4.1. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp

Phối hợp triển khai thực hiện tốt Thông tư Liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thông tư liên tịch Hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người nhằm đẩy mạnh công tác chia sẻ thông tin, tăng cường phối hợp trong giám sát điều tra, xử lý ổ dịch; Truyền thông, đào tạo và nghiên cứu khoa học về phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người.

* Tăng cường trao đổi thông tin về tình hình dịch bệnh trên gia cầm, phối hợp giám sát điều tra, xử lý ổ dịch... trên cơ sở Kế hoạch phối hợp liên ngành giữa Sở Y tế - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; truyền thông, đào tạo và nghiên cứu khoa học về phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người.

4.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện kế hoạch số 90/KHLN-SYT-SGD&ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2016 kế hoạch thực hiện Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT Quy định về công tác y tế trường học. Kế hoạch số 334/KH-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Thực hiện Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; và các chương trình liên quan khác.

- Tăng cường sự phối hợp liên ngành Y tế - Giáo dục và Hội liên hiệp phụ nữ trong công tác truyền thông, giám sát, thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh tay chân miệng và sốt xuất huyết trong trường học và cộng đồng nhằm hạn chế tối đa số trường hợp mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tụt lúm tuổi học đường.

4.3. Hội Liên hiệp Phụ nữ

Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp tiếp tục thực hiện việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các chị em Hội phụ nữ và các chi, tổ, hội tại địa phương vận động từng hộ gia đình tích cực tham gia phòng, chống dịch bệnh và các bệnh xã hội.

4.4. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Tỉnh: trông công tác khám, chữa bệnh lao đối với người có thẻ bảo hiểm y tế.

5. Công tác nghiên cứu khoa học

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học tại đơn vị về dịch tễ học của bệnh, tác nhân gây bệnh, véc tơ truyền bệnh, vắc xin phòng bệnh, đánh giá hiệu quả về các biện pháp phòng chống dịch bệnh, mô hình phòng chống dịch để làm căn cứ và bằng chứng cho việc đề xuất các biện pháp phòng chống dịch bệnh phù hợp tại địa phương.

6. Công tác kiểm tra, giám sát

- Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, phòng chống dịch bệnh, tập trung vào các dịch bệnh nguy hiểm và mới nổi hoặc bệnh lưu hành có số mắc, tử vong cao (Ebola, cúm A(H7N9), cúm A(H5N1), Covid-19, tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi, đại ...).

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên ngành trong công tác thanh kiểm tra việc thực hiện hoạt động quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động, y tế trường học, phòng chống cháy nổ, tai nạn thương tích và quản lý bệnh nghề nghiệp, hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cộng đồng....

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh

- Các đơn vị Y tế trực thuộc trên địa bàn Thành phố triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh ngay từ đầu năm và thực hiện các hoạt động kiểm soát bệnh tật tại các tuyến.

- Phối hợp với ban ngành Thành phố chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và các hoạt động kiểm soát bệnh tật liên quan.

1.1. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Tham mưu Ban giám đốc xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật trên địa bàn Thành phố năm 2025, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai quyết liệt và hiệu quả các hoạt động.

- Phối hợp với Khoa, phòng và Trạm Y tế xã, phường theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch của các đơn vị liên quan, kịp thời tham mưu

lãnh đạo để ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm đạt được các kết quả theo kế hoạch đề ra.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi việc đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch về Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp.

- Căn cứ vào tình hình thực tế đang diễn ra trên địa bàn Thành phố, phối hợp Phòng Y tế Thành phố xây dựng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch và cấp bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để đảm bảo kinh phí hoạt động kế hoạch phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật của Thành phố.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện các nội dung đầy đủ theo kế hoạch.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giám sát, đánh giá việc sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo đúng quy định.

1.2 Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Tham mưu Ban giám đốc triển khai thực hiện tốt Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức tại đơn vị.

- Rà soát, đề xuất bổ sung trang thiết bị thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin đảm bảo đồng bộ và vận hành thông suốt.

1.3. Khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS

- Triển khai thực hiện các hoạt động y tế hệ dự phòng cho toàn thành phố và phối hợp với Phòng Y tế tham mưu cho UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch và bổ sung kinh phí đảm bảo đủ nguồn để đơn vị triển khai thực hiện đạt các mục tiêu chỉ tiêu theo kế hoạch.

- Thiết lập biểu đồ theo dõi tình hình dịch bệnh cho tuyến Thành phố hàng tuần và phát hiện những địa phương có số ca mắc cao để có kế hoạch phòng chống kịp thời, chú trọng công tác giám sát ở các ổ dịch cũ.

- Tổ chức thực hiện tốt chiến dịch diệt muỗi và lăng quăng, rửa tay bằng xà phòng.

- Báo cáo kịp thời lên tuyến trên các trường hợp bệnh truyền nhiễm có khả năng xảy ra dịch lớn để tuyến trên có chỉ đạo và hỗ trợ.

- Hướng dẫn Trạm Y tế xã, phường chủ động phối hợp với các Ban ngành, đoàn thể liên quan tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp truyền thông về phòng chống bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết - Zika, cúm gia cầm lây sang người và các bệnh truyền nhiễm mới nổi; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện, kịp thời triển khai xử lý ổ dịch triệt để không để dịch lan rộng.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, kỹ thuật về giám sát, điều tra, xử lý ổ dịch cho cán bộ y tế, đội cơ động phòng chống dịch và nhân viên sức khỏe cộng đồng; tập huấn cho Hội Liên hiệp phụ nữ, giáo viên mầm non-mẫu giáo để tuyên truyền cho bà mẹ có trẻ nhỏ và phụ huynh học sinh.

- Phối hợp với Đài Truyền thanh đưa tin, bài phản ánh về tình hình dịch bệnh cũng như việc triển khai thực hiện công tác phòng chống dịch/bệnh trên địa bàn huyện và hướng dẫn phòng chống bệnh.

- Hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật cho trạm y tế xã, phường trong giám sát, xử lý ca bệnh/ổ dịch.

- Hướng dẫn, giám sát việc triển khai phần mềm quản lý bệnh truyền nhiễm tại tuyến xã, phường.

- Phối hợp với Chi cục Thú y cùng cấp để trao đổi về tình hình bệnh lây truyền từ động vật sang người và phối hợp cùng điều tra, xử lý ổ dịch bệnh trên cả người và gia cầm, vật nuôi.

1.4. Khoa khám bệnh

- Chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng đối với tình hình diễn biến phức tạp của bệnh truyền nhiễm đang lưu hành cao trong tỉnh như: bệnh tay chân miệng, bệnh sốt xuất huyết, bệnh sởi, đáp ứng kịp thời với các tình huống của bệnh dịch nguy hiểm đe dọa xảy ra như bệnh cúm gia cầm lây sang người, bệnh do virus Ebola, MERS-CoV, tả, não mô cầu, nhiễm COVID-19...

- Kiểm soát tốt các bệnh lây nhiễm tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tiếp nhận cấp cứu kịp thời các trường hợp tai nạn thương tích.

- Phối hợp chặt chẽ trong công tác ghi nhận ca bệnh, thông tin, báo cáo.

- Khám, phát hiện sớm ca bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm gia cầm lây sang người và các bệnh truyền nhiễm để chuyển tuyến kịp thời, hạn chế thấp nhất tử vong do bệnh truyền nhiễm.

- Thông tin, báo cáo kịp thời những trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm về Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS mỗi ngày, đặc biệt là bệnh tay-chân-miệng, Sốt xuất huyết Dengue, nghi mắc cúm gia cầm lây sang người, sốt rét và những bệnh dịch mới nổi, báo cáo tuần, tháng theo quy định, phối hợp với Trung tâm y tế để giám sát, điều tra, xử lý dịch kịp thời.

1.5. Khoa Y tế công cộng và An toàn thực phẩm

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động Sức khỏe môi trường, Sức khỏe lao động, Sức khỏe trường học, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; Xét nghiệm an toàn thực phẩm; dinh dưỡng cộng đồng vệ sinh phòng bệnh; phòng, chống tai nạn thương tích; các hoạt động nâng cao sức khỏe, phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe; khám sàng lọc phát hiện sớm và quản lý, điều trị dự phòng và các dịch vụ y tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát về các hoạt động y tế dự phòng đối với các cơ sở y tế và Trạm Y tế xã, phường trên địa bàn.

1.6. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

- Thực hiện chăm sóc tiền thai, chăm sóc thai, sàng lọc trước và sau sinh, hướng dẫn các bà mẹ cho con bú, nuôi con bằng sữa mẹ, đề phòng các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục, tầm soát ung thư (*ung thư vú, ung thư cổ tử cung*), chăm sóc sức khỏe sinh sản tuổi mãn kinh.

1.7. Khoa Dược – Trang thiết bị và Vật tư y tế

- Bảo đảm cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Công tác cung ứng, bảo quản, sử dụng thuốc đảm bảo hợp lý, an toàn, hiệu quả.

1.8. Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh

Tiếp nhận, quản lý và đưa vào sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị cho công tác xét nghiệm để góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác phát hiện, chẩn đoán bệnh.

2. Các Trạm Y tế xã, phường

- Lập kế hoạch phòng, chống dịch bệnh và các hoạt động y tế dự phòng cho xã, phường.

- Thiết lập biểu đồ theo dõi tình hình dịch bệnh tại xã, phường hàng tháng và phát hiện những nơi có số ca mắc cao để có kế hoạch phòng chống kịp thời, chú trọng công tác giám sát ở các ổ dịch cũ.

- Tổ chức thực hiện tốt chiến dịch diệt muỗi và lăng quăng, rửa tay bằng xà phòng.

- Báo cáo kịp thời về Trung tâm Y tế Thành phố các trường hợp bệnh truyền nhiễm có khả năng xảy ra dịch lớn để tuyến trên có chỉ đạo và hỗ trợ.

- Phối hợp với các Ban ngành, đoàn thể tại địa phương tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp truyền thông về phòng chống bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết - Zika, cúm gia cầm lây sang người và các bệnh truyền nhiễm mới nổi; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn thành phố, kịp thời triển khai xử lý ổ dịch triệt để không để dịch lan rộng.

- Phối hợp với các Trạm Truyền thanh đưa tin, bài phản ánh về tình hình dịch bệnh cũng như việc triển khai thực hiện công tác phòng chống dịch, bệnh trên địa bàn xã, phường và hướng dẫn phòng chống, dịch bệnh.

- Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, hóa chất, cơ sở thuốc sẵn sàng triển khai khi cần thiết.

- Phối hợp với cán bộ Thú y cùng cấp để trao đổi về tình hình các bệnh lây truyền từ động vật sang người và phối hợp cùng điều tra, xử lý ổ dịch bệnh trên cả người và gia cầm, vật nuôi.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí hỗ trợ từng chương trình theo sự phân phối của Tỉnh.

- Kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh phê duyệt dự toán cho Phòng Y tế năm 2025.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Trên đây là Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi và hoạt động kiểm soát bệnh tật tại thành phố Cao Lãnh năm 2025./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Đồng Tháp (b/c);
- UBND TPCL (b/c);
- BV&CCSKND TP (b/c);
- TTDVNN, Phòng GD&ĐT (p/h);
- Các ban, ngành, đoàn thể TP (b/ph);
- UBND xã, phường (b/ph);
- Phòng Y tế (ph/h);
- Các đơn vị trực thuộc (t/h);
- Trạm Y tế xã, phường (t/h);
- Website TTYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Dũng

PHỤ LỤC. BẢNG CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-TTYT ngày /01/2025 của Trung tâm y tế thành phố Cao Lãnh)

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
I	Hoạt động phòng chống bệnh truyền nhiễm	
1	Hoạt động về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm: sốt xuất huyết, tay-chân-miệng, COVID-19, bệnh truyền nhiễm lây truyền từ động vật sang người và các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh mới nổi, tái nổi khác	
1.1	Bệnh Sốt xuất huyết	
	Giảm >5% tỉ lệ mắc/100.000 dân do SXH so với năm 2022	≤ 111 ca/100.000; tương đương ≤ 210 ca mắc năm 2025.
	Khống chế tỉ lệ chết/mắc do sốt xuất huyết	<0,09%
	Tỉ lệ ca mắc bệnh Zika được phát hiện sớm và xử lý kịp thời	100%
	Tỉ lệ xã có nguy cơ bùng phát dịch triển khai chiến dịch diệt lăng quăng có hiệu quả ít nhất 3 lần/ năm	100%.
	Tỉ lệ ổ dịch được xử lý sớm và triệt để	>90%
1.2	Bệnh tay chân miệng	
	Tỷ lệ mắc/100.000 dân do bệnh TCM so với trung bình giai đoạn 2016-2020	Giảm 15% (≤ 255 ca/100.000 dân, tương đương < 481 ca mắc TCM)
	Tỷ lệ chết/mắc	< 0.05% (< 01 ca).
	Tỉ lệ ca bệnh TCM phân độ 2B trở lên và ổ dịch bệnh TCM được xử lý đúng quy định	90%
	Tỉ lệ ca bệnh TCM phân độ 2B trở lên và ổ dịch bệnh TCM trong vòng 48 giờ kể từ khi xác định được ca bệnh và ổ dịch	90%
	Tỉ lệ hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi trong ổ dịch được tuyên truyền về phòng chống bệnh TCM	90%
1.3	Các bệnh truyền nhiễm khác: Phòng, chống các bệnh Tả, Cúm A/H5N1, Cúm A/H7N9, Cúm A/H5N8 và các bệnh mới nổi (COVID-19, MERS-CoV, Ebola)	
	Tỉ lệ ổ dịch được phát hiện và xử lý kịp thời	100%
	Tỉ lệ người tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân, nguồn lây nhiễm được theo dõi kịp thời và quản lý sức khỏe đầy đủ	100%
	Phòng chống bệnh Đại và liên cầu lợn trên người	

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Duy trì số ca tử vong do bệnh dại hàng năm	≤ 1 ca
	Phát hiện sớm, điều tra, xử lý kịp thời các trường hợp bệnh dại và bệnh liên cầu lợn,	Xử lý triệt kịp thời không để lây lan diện rộng
	Tỉ lệ người tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân dại hoặc phơi nhiễm với động vật nghi dại được xử trí kịp thời	100%
1.4	Giảm tỷ lệ mắc các bệnh/100.000 dân: (bệnh có vắc xin phòng)	
	+ Sởi;	≤ 5 ca/100.000 dân (khoảng < 9 ca)
	+ Phát hiện SPB nghi Sởi/Rubella	≥ 2 ca/100.000 dân/huyện (khoảng ≥ 4 ca)
	+ Phát hiện và điều tra ca Liệt mềm cấp, Bại liệt/100.000 trẻ dưới 15 tuổi	≥ 1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi (khoảng ≥ 2 ca)
	+ Bạch hầu	≤ 0,1 ca/100.000 dân (không có ca mắc)
	+ Ho gà	≤ 1 ca/100.000 dân (khoảng < 2 ca)
2	Hoạt động tiêm chủng mở rộng và các công tác tiêm chủng khác	
2.1	Tiêm chủng mở rộng	
	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 vắc xin TCMR	≥ 90%
	Tỷ lệ tiêm vắc xin VGB sơ sinh trong vòng 24 giờ sau sinh	≥ 90%
	Tiêm đủ mũi vắc-xin uốn ván cho phụ nữ có thai	≥ 90%
	Tiêm vắc-xin Sởi-rubella trên phạm vi toàn tỉnh	≥ 95%
	Tiếp tục triển khai tiêm vắc-xin viêm não Nhật Bản B	≥ 90%
	Tiếp tục triển khai tiêm hàng tháng vắc xin IPV mũi 2 đạt tỷ lệ > 90%	≥ 90%
	Đưa vắc xin ngừa Rotavirus vào chương trình TCMR cho trẻ dưới 1 tuổi	≥ 90%
	Tiếp tục duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh	Tiếp tục duy trì thành quả

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Triển khai vắc xin Td cho trẻ 7 tuổi	≥ 90%
2.2	Triển khai sử dụng vắc xin Cúm mùa cho nhân viên y tế	
	Nhân viên y tế tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh Đồng Tháp	≥ 90%
2.3	Tiêm vắc-xin phòng Đại (miễn phí) cho người phơi nhiễm và có nguy cơ phơi nhiễm bệnh Đại	
	Người phơi nhiễm và có nguy cơ phơi nhiễm bệnh Đại được hỗ trợ tiêm vắc xin đại miễn phí cho đối tượng chính sách bị chó nghi đại cắn	
II	Hoạt động phòng, chống ký sinh trùng, côn trùng và bệnh lây truyền từ động vật sang người	
	Không chế tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân	≤ 0,002
	Không để tử vong do bệnh sốt rét	0
	Số huyện đạt chỉ tiêu loại trừ sốt rét	12/12
	Soi lam tìm ký sinh trùng sốt rét (lam)	5000
	Điều tra dịch tễ, báo cáo ca bệnh Sốt rét có ký sinh trùng dương tính trong 48 giờ khi phát hiện	100%
	Giám sát côn trùng (điểm/năm)	2
	Huyện được giám sát dịch tễ (huyện)	12/12
	Xã được giám sát dịch tễ (xã)	143/143
	Giám sát xét nghiệm (giám sát điểm kính hiển vi)	17/17
III	Hoạt động về phòng, chống HIV/AIDS	
	Số người nhiễm HIV mới được phát hiện	26
	Số người nhiễm HIV tử vong liên quan đến HIV/AIDS	3
	Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống	0%
	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV đạt	90%
	Số người đang điều trị Methadone	>100
	Số người được điều trị PrEP ít nhất 1 lần trong năm	≥ 1000
	Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình đạt :	
	+ Đến năm 2025	94%
	+ Đến năm 2030	97%
	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được xét nghiệm HIV hằng năm:	
	+ Đến năm 2025	85%
	+ Đến năm 2030	95%
	Tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV:	
	+ Đến năm 2025	100%
	+ Và đến năm 2030	100%
	Tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị thuốc ARV có tải lượng HIV dưới ngưỡng ức chế ít nhất	98%

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/Lao được điều trị đồng thời cả ARV và lao đạt:	
	+ Đến năm 2025	98%
	+ Đến năm 2030	98%
	Tỷ lệ người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan C được điều trị đồng thời thuốc ARV và điều trị viêm gan C đạt:	
	+ Năm 2025	≥ 50%
	+ Năm 2030	≥ 75%
IV	Hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, phát hiện sớm BKLN.	90 %
	Người từ 40 tuổi trở lên được truyền thông, cung cấp thông tin, hướng dẫn để biết theo dõi sức khỏe, phát hiện sớm BKLN.	80%
	Quản lý dự phòng nguy cơ cao, tiền bệnh:	
	Người được phát hiện bị thừa cân, béo phì được thực hiện các biện pháp tư vấn kiểm soát thừa cân, béo phì phù hợp;	70 %
	Người được phát hiện nguy cơ tim mạch được thực hiện các biện pháp quản lý điều trị dự phòng theo quy;	70 %
	Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị tăng huyết áp:	
	Người trưởng thành được đo huyết áp 1 lần/năm để phát hiện sớm tăng huyết áp:	50 %
	Trong đó người từ 40 tuổi trở lên	80 %
	Người mắc tăng huyết áp được phát hiện	50 %
	Trong đó số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.	50 %
	Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị đái tháo đường, tiền đái tháo đường:	
	Người từ 40 tuổi trở lên được sàng lọc bằng phiếu đánh giá nguy cơ hoặc xét nghiệm đường máu 1 lần/năm để phát hiện sớm đái tháo đường;	70 %
	Người mắc đái tháo đường được phát hiện	55 %
	Trong đó số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn;	55 %
	Người tiền đái tháo đường được phát hiện	30%
	Trong đó số phát hiện được can thiệp dự phòng, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.	55%
	Giám sát thường quy hộ gia đình dùng muối I-ốt: hộ gia đình sử dụng muối i-ốt.	80 %
V	Hoạt động Dinh dưỡng	
	5.1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em (theo kết quả cân, đo trẻ địa phương thực hiện)	

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân	< 9,84
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD thể thấp còi	≤ 11,62
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD thể gầy còm	< 2.97
	5.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: “Cải thiện dinh dưỡng”	
	Mục tiêu cụ thể 1: hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi trên toàn Thành phố	
	Góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống	≤ 11,62
	Góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống	< 2.97
	Mục tiêu cụ thể 2: cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên toàn Thành phố	
	Trẻ em từ 6 - 59 tháng tuổi suy dinh dưỡng thấp còi và trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng (ưu tiên trẻ suy dinh dưỡng thấp còi) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất/sắt và tư vấn dinh dưỡng	> 80%
VI	Sức khỏe môi trường-Y tế trường học-Bệnh nghề nghiệp	
	6.1. Sức khỏe môi trường-y tế trường học	
	Trạm y tế được giám sát chất lượng nước sử dụng cho sinh hoạt.	100%
	Nhà máy nước, công suất cấp nước > 1.000 m ³ /ngày, đêm được giám sát chất lượng nước theo QCVN 01:2024/ĐT	100%
	Trạm cấp nước có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước cấp (công suất cấp nước nhỏ hơn 1.000 m ³ /ngày, đêm) được kiểm tra, giám sát chất lượng nước và vệ sinh môi trường	>60%
	Cơ sở cung cấp nước được hướng dẫn thực hiện kiểm tra giám sát định kỳ chất lượng nước và vệ sinh môi trường theo QCVN 01:2024/ĐT	>80%
	Hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh so với năm 2024	0,03%
	Áp được công nhận cộng đồng đạt danh hiệu “Cộng đồng không phóng uế bừa bãi”	10
	Các cơ sở y tế được kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường, chất thải y tế và môi trường Xanh-sạch-đẹp	100%
	Các cơ sở y tế tuyến huyện hưởng ứng các ngày lễ lớn về bảo vệ môi trường: ngày Môi trường Thế giới, Ngày vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Làm cho Thế giới sạch hơn, rửa tay với xà phòng	100%
	Cán bộ chuyên trách NHĐ, vệ sinh môi trường, y tế trường học tuyến tỉnh, huyện, xã được đào tạo nâng cao năng lực	100%
	Số trường học được kiểm tra giám sát công tác Y tế trường học	70%
	Số trường được truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh	4%
	6.2. Phòng chống bệnh nghề nghiệp	
	Cơ sở lao động có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám sát, tư vấn và hỗ trợ	75%

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Triển khai tổ chức và báo cáo công tác tổ chức tháng ATVSLĐ hàng năm trong toàn ngành y tế	100%
	Tỷ lệ người lao động tiếp xúc với nguy cơ mắc BNN được khám phát hiện BNN cao hơn năm 2024	25%
	6.3. Phòng chống tai nạn thương tích	
	Trạm Y tế được giám sát hỗ trợ trong công tác phòng chống TNTT	100%
	03 xã được duy trì, củng cố đạt tiêu chuẩn CDAT	100%
	Người làm công tác sơ cấp cứu tại các điểm, chốt sơ cấp cứu đường bộ và đường thủy được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu	100%
	Người làm công tác chuyên môn về phòng chống TNTT ở tuyến huyện, xã và Y tế trường học tham gia tập huấn, cập nhật kiến thức về phòng chống TNTT	100%
	Phối hợp cấp phát áp phích tuyên truyền về phòng chống TNTT tại cơ sở y tế phụ trách	100%
	Số trường hợp trẻ em tử vong do đuối nước được giám sát	100%
	Duy trì tốt hệ thống ghi chép, thống kê, báo cáo ở tất cả các đơn vị trong ngành y tế	100%
VII	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
	7.1. Nâng cao sức khỏe bà mẹ, giảm tai biến sản khoa và tử vong mẹ	
	Tỷ suất Tai biến sản khoa (%)	≤ 3,6
	Tỷ số tử vong mẹ /100.000 trẻ đẻ sống.	<25
	Tỷ lệ các cơ sở cung cấp dịch vụ CSSKSS thực hiện thông tin –giáo dục tư vấn về Sức khỏe sinh sản (%)	100
	Tỷ lệ Phụ nữ đến nhận dịch vụ CSSKSS được tư vấn về Sức khỏe sinh sản (%)	100
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén (%)	>90%
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế có kỹ năng đỡ (%)	≥99,7
	Tỷ lệ bà mẹ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà, trong 42 ngày sau đẻ (6 tuần đầu) (%)	≥95,5
	Tỷ lệ bà mẹ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu (%)	>85
	Tỷ lệ các lớp đào tạo về chăm sóc SKSS được thực hiện theo kế hoạch (%)	100
	7.2. Phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ sơ sinh được tiếp cận với các dịch vụ, can thiệp loại trừ lây truyền HIV, giang mai và viêm gan B từ mẹ sang con một cách liên tục và có chất lượng	
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm tầm soát HIV trước và trong lần mang thai này (%)	85
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm tầm soát Viêm gan B khi mang thai (%)	70
	Tỷ lệ Phụ nữ đẻ được xét nghiệm tầm soát Giang mai khi mang thai (%)	70
	7.3. Giảm tình trạng nhiễm khuẩn đường sinh sản, tầm soát phát hiện sớm Ung thư sinh dục (cổ tử cung và ung thư vú) cho phụ nữ tuổi sinh đẻ	

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ mắc bệnh phụ khoa (%)	↓0,2
	Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện và các cơ sở y tế tuyến xã phường, thực hiện được lấy mẫu bệnh phẩm tầm soát Ung thư cổ tử cung (xét nghiệm PAP-Smear và test VIA/VILI) (%)	100
	Tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ khám phụ khoa được thực hiện tầm soát Ung thư cổ tử cung bằng xét nghiệm PAP-Smear và test VIA (%)	>50
	Tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ khi khám phụ khoa được khám vú định kỳ và tư vấn hướng dẫn tự khám vú tại nhà (%)	>50
7.4. Phá thai an toàn; Kế hoạch hóa gia đình		
	Tỷ số phá thai chung /100 trẻ đẻ sống	≤15
	Tỷ số phá thai tại cơ sở y tế công lập /100 trẻ đẻ sống	≤10
	Tỷ lệ Phụ nữ phá thai được tư vấn đầy đủ thông tin về các biện pháp tránh thai và tác hại của phá thai ngoài ý muốn (%)	100
	Tỷ lệ cơ sở y tế công lập có dịch vụ CSSKSS thực hiện cung cấp dịch vụ KHHGD tại cơ sở (%)	100
	Tỷ lệ cặp vợ chồng có nhu cầu phá thai được tư vấn áp dụng các biện pháp tránh thai an toàn (%)	100
7.5. Chăm sóc sức khỏe trẻ em		
	Tỷ lệ trẻ đẻ sống có cân nặng <2500gram (%)	≤ 4
	Tỷ suất Tử vong trẻ sơ sinh (<28 ngày) (‰)	<0,9
	Tỷ suất Tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	≤1,5
	Tỷ suất Tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	≤3
	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc thiết yếu (EENC) trong và ngay sau đẻ thường/ mổ lấy thai (%)	80
7.6. Chăm sóc Sức khỏe sinh sản VTN-TN		
	Tỷ lệ Vị thành niên, thanh niên phá thai tại cơ sở y tế được tư vấn về các biện pháp tránh thai và tác hại của việc phá thai không an toàn (%)	100
	Tỷ lệ cơ sở y tế công lập cung cấp dịch vụ CSSKSS có thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD cho VTN, TN (%)	100
	Tỷ lệ cơ sở CSSKSS các tuyến có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN (%)	100
	Tỷ lệ mang thai ở VTN/tổng số phụ nữ mang thai (%)	↓0,2
	Tỷ lệ sinh ở tuổi VTN/ tổng số phụ nữ đẻ (%)	↓0,2
	Tỷ số phá thai ở VTN/tổng số phụ nữ phá thai chung (%)	↓0,1
VIII	Truyền thông giáo dục sức khỏe	
	Đơn vị y tế từ tỉnh đến cơ sở có kế hoạch thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	100%
	Các Chương trình y tế, các bệnh, dịch truyền nhiễm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến được triển khai thực hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng như: phát thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội.	70%

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
	Các cơ sở y tế từ Tỉnh đến xã có tư vấn sức khỏe lồng ghép về các nội dung phòng chống dịch bệnh (ưu tiên phòng chống dịch bệnh mới nổi, sốt xuất huyết, HIV/AIDS, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và các bệnh không lây nhiễm phổ biến)	100%
	Các cơ sở y tế từ Tỉnh đến huyện triển khai thực hiện với các hình thức truyền thông gián tiếp và trực tiếp bằng các hình thức tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông nhóm, đối tượng theo chuyên đề kế hoạch đề ra	100%
	Các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe: infographic, các tài liệu truyền thông truyền thống, thông điệp phát thanh, truyền hình, chương trình phát thanh, truyền hình, phóng sự, bản tin, chuyên trang, chuyên mục... được xây dựng và cung cấp đến các nhóm đối tượng đích	100%
	Công tác Kiểm tra, giám sát các hoạt động truyền thông GDSK về dịch bệnh mới nổi và các bệnh không lây	Đạt 50%